

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
BCH. PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI,
TKCN VÀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/BCH-SNNPTNT
V/v thu, nộp Quỹ Phòng, chống
thiên tai năm 2021.

Kiên Giang, ngày 16 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Giám đốc các sở; Thủ trưởng các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao nhiệm vụ Giám đốc; chủ tài khoản; người được ủy quyền chủ tài khoản và kế toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thay đổi Giám đốc; chủ tài khoản Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh thông báo đến các sở; các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2021, với các yêu cầu sau:

I. Đối tượng và mức đóng góp

Theo Điều 3 của Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang, được quy định tại Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 01/7/2020, đối tượng và mức đóng góp cụ thể như sau:

1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh: Mức đóng góp bắt buộc 01 năm là 2 phần mười ngàn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm; mức tối thiểu 500.000 đồng, tối đa 100.000.000 đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương; cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 01

ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản, sau khi đã trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp.

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng.

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã quy định tại điểm a, điểm b khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

II. Tài khoản nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai

1. Đối với cấp tỉnh

- Đơn vị nhận tiền: Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Kiên Giang.
- Số tài khoản: **3761.0.9061425.91049**, tại Kho bạc Nhà nước Kiên Giang.

- Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **9061425**.

- Mã Chương trình mục tiêu Quốc gia, Dự án: **91049**.

2. Đối với cấp huyện: Các đơn vị liên hệ với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp huyện để thực hiện nộp vào tài khoản theo quy định.

Ngoài ra, các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện chưa thực hiện nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai của năm 2020 thì nộp bổ sung theo quy định.

* *Mọi chi tiết xin liên hệ:* ông Nguyễn Hoài Anh, kế toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, điện thoại 0941 496 544.

III. Thời gian: Nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai hoàn thành *trước ngày 15/5/2021*.

Rất mong được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các đơn vị, địa phương để việc thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai kịp thời, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Trưởng, Phó BCH.PCTT, TKCN & PTDS tỉnh (để b/c);
- Lưu: VP, CCTL. nnnai.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Nguyễn Văn Dũng**

Kiên Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2021

**BÁO CÁO THU-CHI QUỸ PCTT
TỪ NGÀY 01 - 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

Đơn vị tính: đồng

Số tt	Đơn vị	SỐ THU		SỐ CHI	
		Số phát sinh từ ngày 01/12 đến 31/12	Lũy kế	Số phát sinh từ ngày 01/12 đến 31/12	Lũy kế
A	Số tồn quỹ năm 2019 chuyển sang 2020		13.493.064.209		
B	Số phát sinh thu, chi trong năm 2020	691.788.181	9.371.068.036	1.006.561.800	2.824.181.300
I	Cấp huyện	500.982.008	6.401.151.123	875.000.000	2.305.900.000
1	Thành phố Rạch Giá	36.932.160	938.511.010		-
2	Thành phố Hà Tiên		345.593.685		1.500.000
3	Châu Thành		-	153.000.000	239.000.000
4	Kiên Lương		205.900.000	5.000.000	224.800.000
5	Giang Thành		-	87.500.000	129.100.000
6	An Minh		222.083.235	50.000.000	431.000.000
7	Vĩnh Thuận		-	42.500.000	98.500.000
8	Phú Quốc		459.108.907		-
9	Kiên Hải		230.676.912	46.000.000	66.000.000
10	Giồng Riềng		1.500.000.000	148.000.000	248.000.000
11	An Biên		879.392.292	65.000.000	383.500.000
12	Gò Quao		498.204.721		-
13	Tân Hiệp		134.282.050	4.000.000	98.500.000
14	Hòn Đất	464.049.848	771.770.527	244.000.000	256.000.000
15	U Minh Thượng		215.627.784	30.000.000	130.000.000
II	Cấp tỉnh	190.806.173	2.713.076.298	131.561.800	518.281.300
1	Văn phòng Tỉnh ủy		15.586.817		-
2	Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy		7.435.000		-
3	Đảng ủy khối các cơ quan - DN tỉnh		8.111.000		-
4	Ban Tổ chức tỉnh ủy		7.077.000		-
5	Ban Dân vận tỉnh ủy		-		-
6	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy		5.121.413		-
7	Ban Nội chính tỉnh ủy		4.452.000		-
8	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh		-		-
9	Văn phòng UBND tỉnh		11.768.311		-
10	Nhà khách VP UBND tỉnh		1.799.132		-
11	Trung tâm Tin học - Công báo		-		-
12	Ban Dân tộc		3.178.000		-
13	Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh		6.938.348		-
14	Tỉnh đoàn Thanh niên KG		-		-
15	Nhà thiếu nhi KG		-		-
16	Trường chính trị		13.897.435		-
17	Báo Kiên Giang		-		-
18	Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang		-		-

19	TT Dịch vụ Quảng cáo Đài PTTH		-		-
20	BQL các Dự án ĐTXD		-		-
21	BQL DA ĐTXD các CT nông nghiệp & PTNT		-		-
22	Ban Quản lý Khu công nghiệp		-		-
23	Bảo hiểm xã hội tỉnh		-		-
24	Bưu điện tỉnh		-		-
25	Cục Thuế tỉnh		-		-
26	Cục Thống kê KG		-		-
27	Cục Hải quan		-		-
28	Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang		-		-
29	Toà án Nhân dân tỉnh		-		-
30	Thanh tra nhà nước tỉnh Kiên Giang		-		-
31	Kho bạc nhà nước tỉnh		-		-
32	Hội Nông dân		-		-
33	Hội Liên hiệp phụ nữ nộ 2018+2019		-		-
34	Hội Đông Y		-		-
35	Hội Chữ thập đỏ		-		-
36	Hội Nhà báo		-		-
37	Hội Văn học Nghệ thuật		-		-
38	Hội Khuyến học		-		-
39	Hội Cựu chiến binh		-		-
40	Hội Người cao tuổi		-		-
41	Liên hiệp các hội khoa học		-		-
42	Liên minh Hợp tác xã		-		-
43	Liên đoàn lao động tỉnh		-		-
44	Công an tỉnh		874.395.996		-
45	Công an huyện Giang Thành		20.366.660		-
46	Cảnh sát giao thông đường thủy		-		-
47	Bộ Tư Lệnh Vùng 5		339.566.308		356.494.000
48	Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển 4		-		-
49	Hải đội 2 Bộ đội Biên phòng KG		-		-
50	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh		250.485.315		-
51	BCH Bộ đội biên phòng		-		-
52	Sư đoàn 4-Quân khu 9		-		-
53	Đoàn KTQP 915		17.838.592		-
54	Lữ đoàn 950 - Quân khu 9		326.783.000		-
55	Trung đoàn 152 - Quân khu 9		44.965.355		-
56	Trung đoàn 20		-		-
57	Đồn Biên phòng Xẻo Nhàu		-		-
58	Đài Khí tượng Thủy văn Kiên Giang		3.510.000	131.561.800	161.787.300
59	Văn phòng điều phối NTM		-		-
60	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh		24.129.873		-
61	Viễn Thông Kiên Giang		-		-
62	Công ty Điện lực		-		-
63	Cty PT Hạ tầng khu Kinh tế		-		-
64	Ngân hàng NN&PTNT An Biên		1.000.000		-
65	Kho bạc nhà nước tỉnh		17.416.000		-
66	BQL Khu kinh tế Phú Quốc		6.650.923		-
67	QTD Nhân dân Đông Thái		1.500.000		-
68	Cục Hải quan		51.751.254		-

69	BQL Dự án dân dụng và công nghiệp	7.774.331	-
70	BQL Khu kinh tế tỉnh KG	5.463.000	-
71	BQL DA ĐTXD các CT nông nghiệp & PTNT	4.493.000	-
72	Cục Thống kê KG	8.739.000	-
73	VP ĐP NTM	1.599.979	-
74	Cục Thuế tỉnh	29.090.000	-
75	Thanh tra nhà nước tỉnh Kiên Giang	8.209.403	-
76	Báo Kiên Giang	7.735.700	-
77	BQL cửa khẩu Hà Tiên - Giang Thành	917.000	-
78	Bảo hiểm xã hội tỉnh	18.834.000	-
79	KBNN Tân Hiệp	2.167.100	-
80	Trung tâm xúc tiến ĐT, TM và DL tỉnh	4.751.607	-
81	Sở Công Thương	7.209.740	-
82	BQL Dự án ĐTXD Sở Công thương	-	-
83	Trung tâm KC và TVPT công nghiệp	2.282.000	-
84	Cục Quản lý thị trường	-	-
85	Sở Du lịch	6.821.000	-
86	Sở Kế hoạch & đầu tư	12.096.092	-
87	Sở Khoa học & Công nghệ	-	-
88	nghệ	-	-
89	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1.072.000	-
90	BQL khu Dự trữ Sinh quyển	-	-
91	Trung tâm Kỹ thuật ĐL & CL Kiên Giang	-	-
92	Sở Giao thông vận tải	44.934.000	-
93	BQL các dự án Sở Giao thông Vận tải	9.592.555	-
94	TT Đăng kiểm xe cơ giới	-	-
95	Đoạn quản lý Giao thông thủy, bộ	-	-
96	Cảng vụ đường thủy nội địa	-	-
97	Xí nghiệp bến xe tàu	-	-
98	Sở Giáo dục & Đào tạo	13.551.000	-
99	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	-	-
100	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	-	-
101	Trung tâm Ngoại ngữ tin học	-	-
102	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	-	-
103	Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn	-	-
104	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	-	-
105	Trường Đại học Kiên Giang	-	-
106	Trường Cao đẳng Kiên Giang	42.652.689	-
107	Trường Cao đẳng sư phạm	-	-
108	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	-	-
109	Trường Cao đẳng y tế	-	-
110	Trường Cao đẳng nghề	-	-
111	Trường THCS Dương Tơ	2.910.000	-
112	Sở Ngoại vụ	7.353.574	-
113	Sở Nội vụ	13.725.000	-
114	Ban thi đua khen thưởng tỉnh	-	-
115	Ban Tôn giáo	-	-
116	Chi cục Văn thư- Lưu trữ KG	-	-
117	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	1.902.212	-
118	Sở Nông nghiệp & PTNT	7.701.607	-

119	Chi cục Trồng trọt & BVTV	-	-
120	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	-	-
121	Chi cục Phát triển nông thôn	2.860.333	-
122	Chi cục Thủy lợi năm 2019+2020	5.051.252	-
123	Chi cục Thủy sản	-	-
124	Chi cục Kiểm lâm	7.399.206	-
125	Chi cục Quản lý CL NLS và Thủy Sản KG	2.134.163	-
126	Trung tâm khuyến nông	8.922.000	-
127	Trung tâm giống NLNN	-	-
128	Trung tâm nước sạch & VSMTNT	26.399.000	-
129	BQL Dự án VnSat	-	-
130	BQL rừng Hòn Đất - Kiên Hà	-	-
131	BQL rừng An Biên- An Minh	-	-
132	Ban quản lý Cảng cá, bến cá	-	-
133	Sở Lao động TB & XH	-	-
134	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng	-	-
135	Trung tâm dịch vụ việc làm	-	-
136	Trung tâm bảo trợ xã hội	-	-
137	Quỹ Bảo trợ trẻ em	-	-
138	Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú	-	-
139	Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ KG	16.037.111	-
140	Ban Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ	1.048.000	-
141	Trung tâm điều dưỡng người có công	-	-
142	Sở Tài chính	12.369.000	-
143	Sở Tư pháp năm 2019+2020	14.766.497	-
144	Phòng công chứng số 1	-	-
145	Phòng công chứng số 2	-	-
146	Trung tâm trợ giúp pháp lý	5.798.903	-
147	TT Dịch vụ bán đấu giá tài sản	-	-
148	Sở Tài nguyên & Môi trường	10.299.000	-
149	Chi cục Bảo vệ Môi trường	-	-
150	Chi cục Quản lý đất đai	-	-
151	Chi cục Biển và Hải đảo	-	-
152	Trung tâm CNTT Tài nguyên và MT	-	-
153	Trung tâm Quan trắc TN&MT	3.890.661	-
154	Trung tâm Kỹ thuật TN&MT	-	-
155	Trung tâm Phát triển quỹ đất	4.562.714	-
156	Văn phòng Đăng ký đất đai	9.034.072	-
157	Quỹ Bảo vệ Môi trường	-	-
158	Ban QL khu bảo tồn loài-sinh cảnh Phú Mỹ	-	-
159	Sở Thông tin & Truyền thông	9.025.500	-
160	Trung tâm công nghệ TT&TT	2.800.000	-
161	Sở Xây dựng	10.711.000	-
162	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	-	-
163	TT kiểm định & dịch vụ xây dựng	-	-
164	Sở Văn hoá & thể thao Kiên Giang	-	-
165	Trung tâm Văn hoá tỉnh Kiên Giang	300.000	-
166	Bảo tàng Kiên Giang	-	-
167	Thư viện tỉnh Kiên Giang	1.848.000	-
168	Đoàn Nghệ thuật Khmer Kiên Giang	-	-

169	Đoàn Cải lương Nhân dân Kiên Giang		-		-
170	Trung tâm phát hành phim & chiếu bóng		2.073.932		-
171	Trường văn hoá nghệ thuật		-		-
172	Ban Quản lý di tích tỉnh		934.460		-
173	TT huấn luyện & thi đấu thể dục thể thao		-		-
174	Trường năng khiếu TDTT		5.357.000		-
175	Công viên Văn hóa An Hòa		3.430.000		-
176	Sở Y tế		14.524.000		-
177	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình		-		-
178	Chi cục an toàn sê sinh thực phẩm		-		-
179	Trung tâm y tế dự phòng		-		-
180	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS		-		-
181	Trung tâm Bảo hộ sức khỏe LD&MT		-		-
182	Trung tâm Kiểm dịch y tế		-		-
183	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản		-		-
184	Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe		-		-
185	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội		-		-
186	TT kiểm nghiệm - Kiên Giang		-		-
187	Trung tâm giám định y khoa		-		-
188	Trung tâm giám định pháp y		-		-
189	Trung tâm giám định pháp y tâm thần		-		-
190	Bệnh viện đa khoa		-		-
191	Bệnh viện y học cổ truyền		-		-
192	Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang	190.806.173	190.806.173		
193	UBMTTQ huyện Tân Hiệp		1.393.000		-
III	Các khoản thu hoàn ứng	-	256.840.615	-	-
1	Huyện Giồng Riềng (nộp trả KP tập huấn 2019)		1.190.000		
2	Thị xã Hà Tiên (nộp trả KP tập huấn 2019)		8.200.000		-
3	Huyện Kiên Lương (nộp trả Kp diễn tập 2019 + khắc phục sạt lở khu HC xã Sơn Hải)		101.146.843		-
4	Huyện An Biên (Nộp trả KP diễn tập năm 2016 và hỗ trợ khắc phục thiên tai năm 2018)		11.000.000		
5	TP. Rạch Giá (Nộp trả KP khắc phục, gia cố đoạn sạt lở trên đường Tà ngan kênh RG - Long Xuyên)		87.020.772		
6	Sở Giáo dục và đào tạo (nộp trả KP phổ cập bơi lội)		48.283.000		
C	Số tồn quỹ cuối kỳ báo cáo (đến ngày 31/12/2020)		20.039.950.945	<i>me</i>	

Nơi nhận :

- TT Tỉnh Ủy ,
- TT. HĐND và UBND tỉnh ,
- VP. UBND tỉnh ,
- BGĐ Sở Tài chính ,
- Chi cục Thủy lợi ,
- UB MTTQ tỉnh ,
- UBND huyện, thị, thành ,
- VP BCH PCTT TKCN & PTDS huyện, thị, thành ,
- Lưu Quỹ PCTT tỉnh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng